

Số: 22/TB-THLHP

Gia Viên, ngày 18 tháng 9 năm 2025

THÔNG BÁO
Công khai mức đóng BHYT học sinh năm học 2025- 2026

Thực hiện công văn số 7048/UBND-VX ngày 5/8/2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc triển khai chính sách BHYT học sinh, sinh viên năm học 2025- 2026;

Thực hiện công văn số 236/BHXXH-QLT&PTNPG ngày 12/8/2025 của Bảo hiểm Xã hội thành phố Hải Phòng về việc triển khai công tác thu BHYT HSSV năm học 2025- 2026;

Thực hiện công văn số 59/BHXXH-QLT&PTNPG, ngày 14/8/2025 của Bảo hiểm Xã hội cơ sở Ngô Quyền về việc hướng dẫn công tác thu BHYT học sinh, sinh viên năm học 2025- 2026;

Trường Tiểu học Lê Hồng Phong thông báo công khai mức đóng BHYT học sinh năm học 2025- 2026 như sau:

1. Đối tượng

1.1. Đối với học sinh lớp 1: Giá trị sử dụng bắt đầu từ ngày 01/10/2025
(Có biểu gửi kèm)

1.2. Đối với các khối 2,3,4,5: **631.800 đ/ 1 năm**

2. Thời gian thu

2.1. Khối 1: Tuần 3, tháng 9 năm 2025

2.2. Khối 2,3,4,5: Tuần 3, tháng 12 năm 2025

3. Hình thức thu:

Phụ huynh sử dụng Tài khoản ngân hàng cá nhân để chuyển khoản vào tài khoản của nhà trường tại Ngân hàng Vietcombank Hải Phòng - PGD Đình Vũ theo hướng dẫn sau:

- Số tài khoản thụ hưởng: **Tài khoản Ischool của học sinh** (nhà trường cấp)
- Ngân hàng thụ hưởng: **Ngân hàng Vietcombank**

Nhà trường xin thông báo đến toàn thể cán bộ viên chức và các bậc phụ huynh được biết.

Nhà trường xin trân trọng cảm ơn./

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thu Hương



**BẢNG TÍNH MỨC ĐÓNG BHYT HỌC SINH
NĂM HỌC 2025 - 2026**

Đơn vị: đồng

Stt	Đối tượng	Số tháng	Mức đóng (đồng)	Trong đó:	
				Ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng 50%	Phản trách nhiệm học sinh đóng 50%
A	B	I	2	3	4
1	HSSV cấp hằng năm (hạn thẻ tính từ ngày 01/01/2026 - 31/12/2026).	12	1.263.600	631.800	631.800
2	Đối với học sinh lớp 12: Thời hạn thẻ tính từ ngày 01/01/2026-30/9/2026.	09	947.700	473.850	473.850
3	Đối với học sinh vào lớp 1 (hạn thẻ liên quan đến ngày tháng sinh), cụ thể:				
3.1	Nếu sinh từ ngày 01/01/2019 đến ngày 01/10/2019. (tương ứng hạn thẻ 01/10/2025 đến 31/12/2026)	15	1.579.500	789.750	789.750
3.2	Nếu sinh từ ngày 02/10/2019 đến ngày 01/11/2019. (tương ứng hạn thẻ từ 01/11/2025 đến 31/12/2026)	14	1.474.200	737.100	737.100
3.3	Nếu sinh từ ngày 02/11/2019 đến ngày 01/12/2019. (tương ứng hạn thẻ từ 01/12/2025 đến 31/12/2026)	13	1.368.900	684.450	684.450
3.4	Nếu sinh từ ngày 02/12/2019 đến ngày 31/12/2019. (tương ứng hạn thẻ từ 01/01/2026 đến 31/12/2026)	12	1.263.600	631.800	631.800